

Số: 29 /TB-CDN

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2019

## THÔNG BÁO

### Kết quả kiểm tra, khảo sát công tác An toàn, vệ sinh lao động năm 2019

Thực hiện Hướng dẫn số 03/HD-CSPL ngày 26/3/2019 của Công đoàn Giáo dục (CĐGD) Việt Nam về Tháng hành động An toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) năm 2019; Công văn số 121/CDN-CSPL ngày 17/4/2019 về việc kiểm tra ATVSLĐ năm 2019 đối với Công đoàn cơ sở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên; Quyết định số 114/QĐ-CDN ngày 24/4/2019 của Ban Thường vụ CĐGD Việt Nam; ngày 03/5/2019, Đoàn kiểm tra, khảo sát của CĐGD Việt Nam tiến hành kiểm tra các hoạt động về ATVSLĐ năm 2018, triển khai thực hiện Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2019 và khảo sát thực tế môi trường làm việc, học tập của cán bộ, nhà giáo, người lao động (CBNGNLĐ) và học sinh, sinh viên tại Công đoàn cơ sở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

#### I. Thành phần

##### - Đoàn kiểm tra Công đoàn Giáo dục Việt Nam

1. Đ/c Nguyễn Thị Bích Hợp, Phó Chủ tịch CĐGD Việt Nam - Trưởng đoàn;
2. Đ/c Nguyễn Văn Thái, Phó Trưởng ban CSPL CĐGD Việt Nam - Thành viên;
3. Đ/c Vũ Duy Thanh, Phân viện miền Bắc, Viện Khoa học An toàn, vệ sinh lao động và Bảo vệ môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam - Thành viên;
4. Đ/c Nguyễn Văn Dục, Chuyên viên chính phụ trách công tác An toàn, vệ sinh lao động CĐGD Việt Nam - Thành viên + Thư ký.

##### - Đơn vị được kiểm tra

1. PGS.TS. Bùi Trung Thành, Hiệu trưởng.
2. PGS.TS. Trương Ngọc Tuấn, Phó Hiệu trưởng.
3. Ths. Nguyễn Đức Giang, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng.
4. PGS.TS. Nguyễn Đình Hân, Chủ tịch Công đoàn.
5. Ths. Nguyễn Thị Thúy, Phó Chủ tịch Công đoàn.
6. Các đồng chí là Chủ tịch Công đoàn bộ phận, các đồng chí phụ trách các phòng ban, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện cùng tham dự buổi làm việc.

#### II. Nội dung kiểm tra, khảo sát

1. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu công tác ATVSLĐ, Bảo vệ Môi trường (BVMT), Phòng cháy, chữa cháy (PCCC).



2. Thực hiện công tác ATVSLĐ, BVMT, PCCC năm 2018, triển khai Tháng ATVSLĐ năm 2019.

3. Khảo sát các thông số kỹ thuật tại 5 địa điểm nơi làm việc của CBNGNLD và học tập của học sinh, sinh viên nhà trường:

- Các địa điểm khảo sát: Thư viện 02 phòng, 02 phòng làm việc, 04 phòng thí nghiệm, 03 xưởng thực hành và 01 giảng đường.

- Các thông số kiểm tra gồm: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, ánh sáng, điện từ trường, bụi hô hấp, SiO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, Benzen, DCM và Axet on.

### III. Kết quả kiểm tra, khảo sát

#### 1. Hồ sơ sổ sách

##### a) Hồ sơ hiện có

- Các quyết định thành lập Hội đồng ATVSLĐ, quy định về PCCC, nội quy, biên bản kiểm tra PCCC, hồ sơ thực hiện kiểm tra các thiết bị PCCC hằng năm.

- Hồ sơ hợp đồng thuê công ty chuyên trách thu gom xử lý rác thải trong đơn vị.

- Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ cho CBNGNLD theo từng năm học.

##### b) Hồ sơ sổ sách còn thiếu

- Hồ sơ theo dõi các phương tiện máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ chưa có xác nhận của đơn vị kiểm định, của nhà trường.

- Hồ sơ theo dõi công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp, cấp giấy chứng nhận cho cán bộ làm công tác ATVSLĐ, PCCC tại đơn vị chưa được lưu giữ.

#### 2. Các hoạt động đã thực hiện

- Tại các cơ sở trực thuộc trường như phòng thí nghiệm có liên quan đến rác thải rắn và hóa chất, nhà trường hợp đồng và thuê một công ty chuyên thu gom, xử lý các loại rác thải theo các danh mục quy định, không ảnh hưởng đến môi trường.

- Các phòng ban, xưởng thực hành và các cơ sở thuộc Trường được trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có danh mục sử dụng, nội quy về PCCC theo quy định, theo hướng dẫn của cơ quan Công an PCCC tại địa phương.

- Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, căng tin được chú trọng và có các danh mục theo dõi, vệ sinh sạch sẽ đúng nội quy, quy định đề ra.

- Công tác bảo vệ, xây dựng môi trường được nhà trường quan tâm, chú trọng đầu tư như trồng nhiều cây xanh, bảo vệ cảnh quan khu vực trường; khu vệ sinh công cộng được quan tâm, đảm bảo sạch sẽ, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp trong nhà trường.

- Công tác tuyên truyền Tháng hành động ATVSLĐ được Công đoàn cơ sở phối hợp với chuyên môn triển khai, thực hiện đầy đủ đến các đơn vị cơ sở trực thuộc như treo băng rôn, khẩu hiệu, đưa các nội dung thực hiện trong Tháng ATVSLĐ trên bảng tin và các phương tiện truyền thông của trường để CBNGNLD và học sinh, sinh viên hưởng



ứng tích cực. Thành lập đội tham dự Hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi 2019 của CĐGD Việt Nam.

### 3. Kết quả kiểm tra, khảo sát thực tế

Đoàn khảo sát đã khảo sát 12 địa điểm thuộc thư viện, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thực tập và giảng đường học tập của học sinh, sinh viên, cụ thể:

#### 3.1. Địa điểm

- Thư viện: 01 phòng để sách, tài liệu, 01 phòng đọc.
- Phòng làm việc: 01 Phòng hành chính, 01 Phòng văn thư.
- Phòng thí nghiệm: 01 Hóa, 01 Hóa Sinh, 01 Vật lý và 01 Công nghệ thông tin.
- Xưởng thực hành, thực tập: 01 Điện - Điện tử, 01 Cơ khí động lực, 01 Cơ khí
- Giảng đường: 01

#### 3.2. Kết quả quan trắc môi trường làm việc, học tập chung ở các địa điểm

| TT         | Yếu tố quan trắc                       | Tổng số mẫu | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt |
|------------|--|-------------|------------|------------------|
| <b>I</b>   | <b>Vi khí hậu</b>                      | <b>33</b>   | <b>22</b>  | <b>11</b>        |
| 1          | Nhiệt độ                               | 11          | 11         | 0                |
| 2          | Độ ẩm                                  | 11          | 2          | 9                |
| 3          | Tốc độ chuyển động không khí           | 11          | 9          | 2                |
| <b>II</b>  | <b>Các thông số vật lý</b>             | <b>25</b>   | <b>15</b>  | <b>10</b>        |
| 1          | Ánh sáng                               | 11          | 2          | 9                |
| 2          | Tiếng ồn tương đương                   | 11          | 10         | 1                |
| 3          | Gia tốc rung                           | 3           | 3          | 0                |
| <b>III</b> | <b>Bụi các loại</b>                    | <b>12</b>   | <b>12</b>  | <b>0</b>         |
| 1          | Bụi hô hấp                             | 9           | 9          | 0                |
| 2          | Bụi Silic trong bụi toàn phần          | 3           | 3          | 0                |
| <b>IV</b>  | <b>Hơi khí độc</b>                     | <b>30</b>   | <b>29</b>  | <b>1</b>         |
| 1          | CO <sub>2</sub>                        | 12          | 11         | 1                |
| 2          | Axeton                                 | 4           | 4          | 0                |
| 3          | Benzen                                 | 7           | 7          | 0                |
| 4          | Điclometan                             | 7           | 7          | 0                |
| <b>V</b>   | <b>Yếu tố phóng xạ, điện từ trường</b> | <b>12</b>   | <b>12</b>  | <b>0</b>         |
| 1          | Cường độ điện trường                   | 6           | 6          | 0                |
| 2          | Cường độ từ trường                     | 6           | 6          | 0                |
|            | <b>Tổng cộng</b>                       | <b>112</b>  | <b>90</b>  | <b>22</b>        |



Kết quả quan trắc ở từng địa điểm có bản danh mục kèm theo.

#### 4. Đánh giá chung

- Công tác ATVSLĐ, BVMT, PCCC được chuyên môn và tổ chức Công đoàn phối hợp thực hiện cơ bản đảm bảo được các yêu cầu, nội dung các hoạt động về ATVSLĐ, BVMT, PCCC theo quy định.

- Đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị PCCC, bảo hộ lao động cho người lao động làm việc nơi có yếu tố độc hại, nguy hiểm; hợp đồng các đơn vị chuyên ngành xử lý các loại rác thải, chất độc hại; chú trọng xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Tháng hành động ATVSLĐ năm 2019 được Công đoàn triển khai tuyên truyền đến CBNGNLD, học sinh, sinh viên hưởng ứng tích cực. Tham dự Hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi 2019 do CĐGD Việt Nam tổ chức.

#### 5. Hạn chế

- Số mẫu không đạt yêu cầu ở các địa điểm làm việc, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, giảng đường còn xảy ra: Có 22/112 mẫu (tỷ lệ 19,6%), cụ thể:

+ Yếu tố vi khí hậu: Độ ẩm : 9/11 mẫu (81,8%); tốc độ gió: 02/11 mẫu (tỷ lệ 18,2%).

+ Yếu tố Vật lý: Ánh sáng (Lux) có 9/11 mẫu (tỷ lệ 81,8%); Tiếng ồn (dBA) 01/11 mẫu (9,1%).

+ Yếu tố hơi khí độc: 01/12 mẫu (tỷ lệ 8,3%).

#### IV. Kiến nghị, đề xuất

##### 1. Kiến nghị của Đoàn kiểm tra

Trên cơ sở kết quả các thông số nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hơi khí độc ở các điểm kiểm tra, Đoàn kiến nghị đề xuất đối với Công đoàn cơ sở phối hợp với chuyên môn Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật Hưng Yên thực hiện các yêu cầu sau:

1.1. Cải tiến kỹ thuật, thay bóng đèn và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống chiếu sáng để tăng cường ánh sáng cho các phòng: Thư viện, làm việc, thí nghiệm, 01 xưởng thực hành cơ khí và các khu vực không đủ độ sáng để đảm bảo môi trường làm việc thuận lợi, đảm bảo an toàn nơi làm việc cho CBNGNLD, học tập của học sinh, sinh viên.

1.2. Các phòng đặt thiết bị thí nghiệm thường xuyên sử dụng điều hòa nhiệt độ để đảm bảo độ ẩm, nhiệt độ bảo quản thiết bị, dụng cụ thí nghiệm. Hệ thống lưu thông khí (tốc độ gió) ở Phòng thí nghiệm Vật lý, giảng đường rất thấp, không đảm bảo độ thông thoáng trong quá trình làm việc.

1.3. Thực hiện các biện pháp giảm tiếng ồn (dBA) tại Phòng thí nghiệm Công nghệ thông tin của Trường.

1.4. Xử lý hơi khí độc vô cơ tại phòng thí nghiệm Hóa sinh.

1.5. Tăng cường hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường.



1.6. Thường xuyên kiểm tra các thiết bị Bảo hộ lao động trong các phòng thí nghiệm để đảm bảo hoạt động hiệu quả; kiểm tra, đánh giá thực hiện công tác bảo hộ lao động của cá nhân trong quá trình làm việc của CBNGNLD.

Ngoài các nội dung trên, đề nghị nhà trường thực hiện các khuyến nghị, giải pháp của Trạm Quan trắc và Phân tích Môi trường Lao động - Tổng Liên đoàn Lao động (TLĐLĐ) Việt Nam để áp dụng phù hợp với điều kiện của đơn vị nhằm tạo môi trường làm việc cho CBNGNLD và học tập của học sinh, sinh viên đạt hiệu quả.

## 2. Kiến nghị của Công đoàn cơ sở

- Đề nghị hàng năm Công đoàn Giáo dục Việt Nam tăng cường công tác tập huấn về ATVSLĐ, BVMT, PCCC cho các đơn vị.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm chỉ đạo, đầu tư hỗ trợ kinh phí cho các trường học trực thuộc Bộ để thực hiện tốt công tác ATVSLĐ, BVMT, PCCC.

Công đoàn Giáo dục Việt Nam thông báo kết quả kiểm tra, khảo sát công tác An toàn, vệ sinh lao động của đơn vị, đề nghị Công đoàn cơ sở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên báo cáo cấp ủy Đảng, phối hợp với chuyên môn đồng cấp bổ sung, điều chỉnh các kiến nghị, đề xuất của CĐGD Việt Nam và các khuyến nghị, giải pháp khắc phục của Trạm Quan trắc và Phân tích Môi trường Lao động - TLĐLĐ Việt Nam để công tác ATVSLĐ của nhà trường trong thời gian tới đạt hiệu quả.

### Nơi nhận:

- Thường trực CĐGDVN;
- Đảng ủy, BGH, CĐCS Tr. ĐHSPTK Hưng Yên;
- Lưu: VT, Ban CSPL CĐGDVN.



Vũ Minh Đức



## KẾT QUẢ QUAN TRẮC CÁC ĐỊA ĐIỂM

(Kèm theo Thông báo số 29 /TB-CDN ngày 26 /6/2019 của CDGD Việt Nam)

### A. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ

| TT | Tên thông số                  | Phương pháp               | Thiết bị                   |
|----|-------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1  | Nhiệt độ                      | TCVN 5508:2009            | Testo 645, Đức             |
| 2  | Độ ẩm                         | TCVN 5508:2009            | Testo 645, Đức             |
| 3  | Tốc độ chuyển động không khí  | TCVN 5508:2009            | Testo 425, Đức             |
| 4  | Cường độ điện trường          | SOP-107                   | Holiday, Hi-3604           |
| 5  | Gia tốc rung                  | TCVN 6963:2001            | VI-400Pro, Quest, Mỹ       |
| 6  | Tiếng ồn                      | TCVN 7878-2:2010          | Sound Pro DXL - QQuest, Mỹ |
| 7  | Ánh sáng                      | TCVN 5176 : 1990          | LX 50, KIMO, Pháp          |
| 8  | Cường độ từ trường            | SOP-107                   | Holiday, Hi-3604           |
| 9  | Bụi hô hấp                    | NIOSH Method 0600         | AE 240                     |
| 10 | Bụi Silic trong bụi toàn phần | NIOSH Method 7501         | AE 240                     |
| 11 | CO <sub>2</sub>               | Thường quy kỹ thuật NIOEH | AQ 100, KIMO, Pháp         |
| 12 | Axeton                        | NIOSH Method 1300 : 1994  | GC/FID 2010Shimadzu        |
| 13 | Benzen                        | NIOSH Method 1501:2003    | GC/FID 2010Shimadzu        |
| 14 | Điclotetan                    | NIOSH Method 1005: 1998   |                            |

### B. THỰC HIỆN QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ CÓ HẠI

Thực hiện quan trắc các yếu tố có hại đã được người sử dụng lao động ghi trong Hồ sơ vệ sinh lao động bao gồm:

Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ chuyển động không khí, Cường độ điện trường, Gia tốc rung, Tiếng ồn, Ánh sáng, Cường độ từ trường, Bụi hô hấp, Bụi Silic trong bụi toàn phần, CO<sub>2</sub>, Axeton, Benzen, Điclotetan

### C. KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Tiêu chuẩn tham chiếu theo các quy định hiện hành và có kết quả như sau:

#### I. CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU

| QCVN 26:2016/BYT<br>Giá trị cho phép |                  |                         | Nhiệt độ   |                  | Độ ẩm      |                  | Tốc độ gió   |                  |
|--------------------------------------|------------------|-------------------------|------------|------------------|------------|------------------|--------------|------------------|
|                                      |                  |                         | 18 ÷ 32°C  |                  | 40 ÷ 80%   |                  | 0,2 ÷ 1,5m/s |                  |
| TT                                   | Vị trí quan trắc |                         | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt   | Số mẫu không đạt |
| 1                                    | Thư viện         | Phòng để sách, tài liệu | 26,7       |                  |            | 85,9             | 0,62         |                  |
| 2                                    |                  | Phòng đọc               | 26,0       |                  |            | 80,9             | 0,65         |                  |
| 3                                    | Phòng hành chính |                         | 28,4       |                  | 74,9       |                  | 0,75         |                  |
| 4                                    | Phòng thí nghiệm | Hóa                     | 25,2       |                  |            | 85,3             | 0,83         |                  |
| 5                                    |                  | Vật lý                  | 26,7       |                  |            | 81,4             |              | 2,22             |
| 6                                    |                  | Công nghệ thông tin     | 25,7       |                  |            | 80,9             | 1,16         |                  |



| QCVN 26:2016/BYT<br>Giá trị cho phép |                           |                 | Nhiệt độ   |                  | Độ ẩm      |                  | Tốc độ gió   |                  |
|--------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------|------------------|------------|------------------|--------------|------------------|
|                                      |                           |                 | 18 ÷ 32°C  |                  | 40 ÷ 80%   |                  | 0,2 ÷ 1,5m/s |                  |
| TT                                   | Vị trí quan trắc          |                 | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt   | Số mẫu không đạt |
| 7                                    |                           | Hóa Sinh        | 26,7       |                  |            | 81,2             | 0,31         |                  |
| 8                                    | Xưởng thực hành, xưởng in | Điện - điện tử  | 27,3       |                  | 79,3       |                  | 1,16         |                  |
| 9                                    |                           | Cơ khí động lực | 25,0       |                  |            | 81,9             | 0,53         |                  |
| 10                                   |                           | Cơ khí          | 25,8       |                  |            | 83,7             | 0,83         |                  |
| 11                                   | Giảng đường               |                 | 26,6       |                  |            | 80,6             |              | 1,78             |
| Tổng số                              |                           |                 | 11         | 0                | 2          | 9                | 9            | 2                |

**Ghi chú:** QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu Vi khí hậu: 11

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: 9

## II. CÁC YẾU TỐ VẬT LÝ

### 1. Ánh sáng (Lux)

| STT         | Vị trí quan trắc          |                         | Ánh sáng (Lux) |                  | QCVN 22:2016/BYT |
|-------------|---------------------------|-------------------------|----------------|------------------|------------------|
|             |                           |                         | Số mẫu đạt     | Số mẫu không đạt |                  |
| 1           | Thư viện                  | Phòng để sách, tài liệu |                | 148              | 300              |
| 2           |                           | Phòng đọc               |                | 385              | 500              |
| 3           | Phòng hành chính          |                         |                | 248              | 300              |
| 4           | Phòng thí nghiệm          | Hóa                     |                | 287              | 500              |
| 5           |                           | Vật lý                  |                | 422              | 500              |
| 6           |                           | Công nghệ thông tin     |                | 273              | 500              |
| 7           |                           | Hóa Sinh                |                | 382              | 500              |
| 8           | Xưởng thực hành, xưởng in | Điện - điện tử          |                | 276              | 500              |
| 9           |                           | Cơ khí động lực         | 510            |                  | 500              |
| 10          |                           | Cơ khí                  |                | 289              | 500              |
| 11          | Giảng đường               |                         | 356            |                  | 300              |
| Tổng số mẫu |                           |                         | 2              | 9                |                  |

**Ghi chú:** QCVN 22:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu ánh sáng: 11

Tổng số mẫu không đạt giới hạn cho phép: 9

## 2. Tiếng ồn (dBA)

| QCVN 24:2016/BYT,<br>Mức cho phép |                           | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá (dBA)<br>55 <sup>(1)</sup> ; 65 <sup>(2)</sup> ; 80 <sup>(3)</sup> |                     |                     |
|-----------------------------------|---------------------------|---|---------------------|---------------------|
| TT                                | Vị trí quan trắc          | Số mẫu đạt  | Số mẫu không đạt    |                     |
| 1                                 | Thư viện                  | Phòng để sách, tài liệu   | 54,4 <sup>(1)</sup> |                     |
| 2                                 |                           | Phòng đọc   | 50,4 <sup>(1)</sup> |                     |
| 3                                 | Phòng hành chính          |   | 57,8 <sup>(2)</sup> |                     |
| 4                                 | Phòng thí nghiệm          | Hóa   | 78,7 <sup>(3)</sup> |                     |
| 5                                 |                           | Vật lý  | 66,7 <sup>(3)</sup> |                     |
| 6                                 |                           | Công nghệ thông tin   |                     | 63,4 <sup>(1)</sup> |
| 7                                 |                           | Hóa Sinh  | 66,2 <sup>(3)</sup> |                     |
| 8                                 | Xưởng thực hành, xưởng in | Điện - điện tử  | 68,1 <sup>(3)</sup> |                     |
| 9                                 |                           | Cơ khí động lực   | 64,4 <sup>(3)</sup> |                     |
| 10                                |                           | Cơ khí  | 70,7 <sup>(3)</sup> |                     |
| 11                                | Giảng đường               |   | 62,1 <sup>(2)</sup> |                     |
| Tổng số                           |                           | 10  | 1                   |                     |

**Ghi chú:** QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

(1): Tiêu chuẩn tiếng ồn áp dụng cho các phòng lao động trí óc, nghiên cứu thiết kế, thống kê, lập chương trình máy tính, phòng thí nghiệm lý thuyết và xử lý số liệu thực nghiệm.

(2): Tiêu chuẩn tiếng ồn áp dụng cho các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch.

(3): Tiêu chuẩn tiếng ồn áp dụng cho buồng theo dõi và điều khiển từ xa không có thông tin bằng điện thoại, các phòng thí nghiệm, thực nghiệm, các phòng thiết bị máy có nguồn ồn.

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu ồn: 11

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: 01

## 3. Rung chuyển

| QCVN 27:2016/BYT, Mức cho phép |                           | Mức cho phép                                      |                  |
|--------------------------------|---------------------------|---|------------------|
|                                |                           | Gia tốc rung (Rung đứng: 0,086 m/s <sup>2</sup> ) |                  |
| TT                             | Vị trí quan trắc          | Số mẫu đạt  | Số mẫu không đạt |
| 1                              | Xưởng thực hành, xưởng in | Điện - điện tử                                    | 0,010            |
| 2                              |                           | Cơ khí động lực                                   | 0,020            |
| 3                              |                           | Cơ khí  | 0,020            |
| Tổng số                        |                           | 3   | 0                |

**Ghi chú:** QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Mức cho phép tại nơi làm việc.





Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu rung: 3

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: 0

### III. BỤI CÁC LOẠI

| TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT,<br>Từng lần tối đa |                           | Bụi hô hấp          |                  | SiO <sub>2</sub>      |                  |
|---|---------------------------|---------------------|------------------|-----------------------|------------------|
|   |                           | 2mg/m <sup>3</sup>  |                  | 0,1 mg/m <sup>3</sup> |                  |
| TT  | Vị trí quan trắc          | Số mẫu đạt          | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt            | Số mẫu không đạt |
| 1   | Phòng văn thư             | 0,365               |                  | -                     |                  |
| 2   | Phòng thí nghiệm          | Hóa                 | 0,121            | -                     |                  |
| 3   |                           | Vật lý              | 0,162            | -                     |                  |
| 4   |                           | Công nghệ thông tin | 0,356            | -                     |                  |
| 5   |                           | Hóa Sinh            | 0,245            | -                     |                  |
| 6   | Xưởng thực hành, xưởng in | Điện - điện tử      | 0,352            | <0,0030               |                  |
| 7   |                           | Cơ khí động lực     | 0,106            | <0,0030               |                  |
| 8   |                           | Cơ khí              | 0,086            | <0,0030               |                  |
| 9   | Giảng đường               | 0,264               |                  | -                     |                  |
| Tổng số                                     |                           | 9                   | 0                | 3                     | 0                |

Ghi chú: TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu: 9

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: 0

### IV. HƠI KHÍ ĐỘC

#### 1. Hơi khí độc vô cơ

| TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT,<br>Từng lần tối đa |                           | CO <sub>2</sub>         |                  |
|---|---------------------------|-------------------------|------------------|
|   |                           | 1.800mg/m <sup>3</sup>  |                  |
| TT  | Vị trí quan trắc          | Số mẫu đạt              | Số mẫu không đạt |
| 1   | Thư viện                  | Phòng để sách, tài liệu | 1.017            |
| 2   |                           | Phòng đọc               | 1.219            |
| 3   | Phòng hành chính          | 1.501                   |                  |
| 4   | Phòng văn thư             | 1.202                   |                  |
| 5   | Phòng thí nghiệm          | Hóa                     | 1.004            |
| 6   |                           | Vật lý                  | 1.021            |
| 7   |                           | Công nghệ thông tin     | 1.010            |
| 8   |                           | Hóa Sinh                | 1.118            |
| 9   | Xưởng thực hành, xưởng in | Điện - điện tử          | 1.921            |
| 10  |                           | Cơ khí động lực         | 1.458            |
| 11  |                           | Cơ khí                  | 1.105            |
| 12  | Giảng đường               | 1.352                   |                  |
| Tổng số                                     |                           | 11                      | 1                |

#### 2. Hơi khí độc hữu cơ

| TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT,<br>Từng lần tối đa |                  | Axeton                 |                  | Benzen              |                  | Diclometan           |                  |
|---|------------------|------------------------|------------------|---------------------|------------------|----------------------|------------------|
|   |                  | 1.000mg/m <sup>3</sup> |                  | 15mg/m <sup>3</sup> |                  | 100mg/m <sup>3</sup> |                  |
| TT  | Vị trí quan trắc | Số mẫu đạt             | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt          | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt           | Số mẫu không đạt |
| 1   | Phòng thí nghiệm | Hóa                    | <0,01            |                     | <0,007           |                      | <0,0056          |
| 2   |                  | Vật lý                 | <0,01            |                     | <0,007           |                      | <0,0056          |
| 3   |                  | Công nghệ thông tin    | <0,01            |                     | <0,007           |                      | <0,0056          |
| 4   |                  | Hóa Sinh               | <0,01            |                     | <0,007           |                      | <0,0056          |
| 5   | Xưởng thực hành, | Điện - điện tử         | -                | -                   | <0,007           |                      | <0,0056          |
| 6   |                  | Cơ khí động lực        | -                | -                   | <0,007           |                      | <0,0056          |
| 7   |                  | Cơ khí                 | -                | -                   | <0,007           |                      | <0,0056          |



| TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT,<br>Từng lần tối đa |                  | Axeton                 |                  | Benzen              |                  | Diclometan           |                  |
|---|------------------|------------------------|------------------|---------------------|------------------|----------------------|------------------|
|   |                  | 1.000mg/m <sup>3</sup> |                  | 15mg/m <sup>3</sup> |                  | 100mg/m <sup>3</sup> |                  |
| TT  | Vị trí quan trắc | Số mẫu đạt             | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt          | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt           | Số mẫu không đạt |
|   | xưởng in         |                        |                  |                     |                  |                      |                  |
| Tổng số                                     |                  | 4                      | 0                | 7                   | 0                | 7                    | 0                |

## V. YẾU TỐ PHÒNG XẠ, ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

### 1. Yếu tố điện từ trường

| QCVN 25:2016/BYT, Mức tiếp xúc cho phép |                           |                 | Cường độ điện trường |                  | Cường độ từ trường |                  |
|---|---------------------------|-----------------|----------------------|------------------|--------------------|------------------|
|   |                           |                 | 5 (kV/m)             |                  | 400 (A/m)          |                  |
| TT                                      | Vị trí lao động           |                 | Số mẫu đạt           | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt         | Số mẫu không đạt |
| 1                                       | Thư viện                  | Phòng đọc       | 0,090                |                  | 0,03               |                  |
| 2                                       | Phòng hành chính          |                 | 0,270                |                  | 0,03               |                  |
| 3                                       | Phòng văn thư             |                 | 0,380                |                  | 0,02               |                  |
| 4                                       | Xưởng thực hành, xưởng in | Điện - điện từ  | 0,110                |                  | 10,3               |                  |
| 5                                       |                           | Cơ khí động lực | 0,090                |                  | 0,57               |                  |
| 6                                       |                           | Cơ khí          | 0,020                |                  | 0,23               |                  |
| Tổng số                                 |                           |                 | 6                    | 0                | 6                  | 0                |

**Ghi chú:** QCVN 25:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp nơi làm việc

QCVN 21:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Điện từ trường tần số cao - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số cao nơi làm việc

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu điện từ trường: 6

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: 0

### D. KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

**1. Giải pháp về biện pháp kỹ thuật:** Cải tiến kỹ thuật tăng cường độ ánh sáng thay bóng đèn và bảo dưỡng đảm bảo độ chiếu sáng tại các khu vực không đủ độ sáng. Đối với các phòng đặt thiết bị thí nghiệm thường xuyên sử dụng điều hòa đảm bảo độ ẩm và nhiệt độ bảo quản thiết bị, dụng cụ thí nghiệm.

**2. Giải pháp về biện pháp tổ chức lao động:** Thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường trong các khu vực chung của nhà trường và thiết bị máy tính trong phòng học công nghệ thông tin. Áp dụng các chính sách, tiêu chuẩn như 5S hay 3Đ để cải tiến môi trường, điều kiện làm việc cũng như tổ chức lại lao động tạo ra môi trường làm việc trong sạch và thoải mái.

**3. Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe:** Theo nghị định 39:2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều luật An toàn, Vệ sinh lao động. Nghị định 44:2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều luật, Vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Thông tư 18:2016/TT-BYT hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp. Đối với các giảng viên và giáo viên hướng dẫn thực hành nhà trường thực hiện thêm đánh giá một số chỉ tiêu tâm sinh lý lao động và Ec-gô-nô-my được quy định trong nghị định 39:2016/NĐ-CP và 44:2016/NĐ-CP. Ngoài hồ sơ khám



sức khỏe định kỳ cho cán bộ và giảng viên, mỗi vị trí việc làm khám bổ sung thêm những chỉ tiêu bệnh nghề nghiệp phù hợp.

**4. Các giải pháp về phương tiện bảo hộ lao động cá nhân:** Thường xuyên kiểm tra các thiết bị Bảo hộ lao động của các phòng thí nghiệm đảm bảo hoạt động tốt. Thường xuyên đánh giá và kiểm tra bảo hộ lao động cá nhân tạo ra sự thoải mái để giảng dạy và thực tập thí nghiệm cảm thấy dễ dàng khi mang thiết bị bảo hộ lao động, một các tự nguyện và thoải mái.

**5. Các giải pháp khác:** Tăng cường kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn các yếu tố có hại tới sức khỏe người lao động. Đánh giá tư thế lao động và các yếu tố tâm sinh lý, cải tiến điều kiện lao động tạo ra tư thế lao động thoải mái, tăng hiệu quả công việc.

Tại các vị trí quan trắc các yếu tố có hại không đạt giới hạn cho phép (đã được nêu ở trên) đề nghị đơn vị nhà trường có trách nhiệm xem xét các khuyến nghị để cải thiện điều kiện làm việc cho giảng viên, sinh viên người lao động đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.